



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

08/04/2024 – 12/04/2024

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

NHỊP ĐIỀU CHỈNH ĐẾN ĐÂU?

- Sau thành quả tăng rực rỡ của quý 1, chứng khoán Mỹ đang có sự khởi đầu kém thuận lợi cho quý 2 sau khi Fed và các quan chức đưa ra các tuyên bố thận trọng làm suy giảm khả năng sớm khởi động nói lỏng chính sách tiền tệ.
- Dữ liệu lạm phát tháng 3 của Mỹ được công bố vào ngày thứ 4 sẽ là tâm điểm chú ý trong tuần này sau khi báo cáo việc làm bùng nổ vào thứ Sáu tuần trước làm tăng khả năng Fed có thể trì hoãn việc cắt giảm lãi suất lâu hơn. Các ngân hàng lớn khởi động mùa thu nhập, Ngân hàng Trung ương châu Âu chuẩn bị họp và rủi ro địa chính trị có vẻ sẽ tiếp tục hỗ trợ giá dầu.
- Sau chuỗi tăng kéo dài 5 tháng liên tiếp, chỉ số Vn-Index điều chỉnh giảm trước vùng kháng cự kỹ thuật và áp lực từ tỷ giá, đây cũng là tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2023.
- Theo thống kê, sau chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp, thị trường thường điều chỉnh ở tháng tiếp theo. Kích bản lạc quan cho thị trường là hình thành vùng dao động tích lũy với biên hỗ trợ dưới ở khu vực 1,220 – 1,230 điểm. Kích bản thận trọng diễn ra khi vùng hỗ trợ này bị xuyên thủng, thị trường có thể kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật đáng tin cậy hơn ở vùng 1,180 – 1,200 điểm.
- Nhóm cổ phiếu khuyến nghị: Dầu khí và nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ tỷ giá.

Các sự kiện chính trong tuần này (08/04 – 12/04)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
08	09	<p> Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)</p> <p> Canada: Quyết định lãi suất của BoC</p>	<p> Trung Quốc: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)</p> <p> Châu Âu: Quyết định lãi suất của ECB</p> <p> Mỹ: Chỉ số PPI (tháng 3)</p>	<p> Anh: Chỉ số tăng trưởng GDP (tháng 2)</p> <p> Mỹ: Tâm lý người tiêu dùng của Michigan (tháng 4)</p>

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

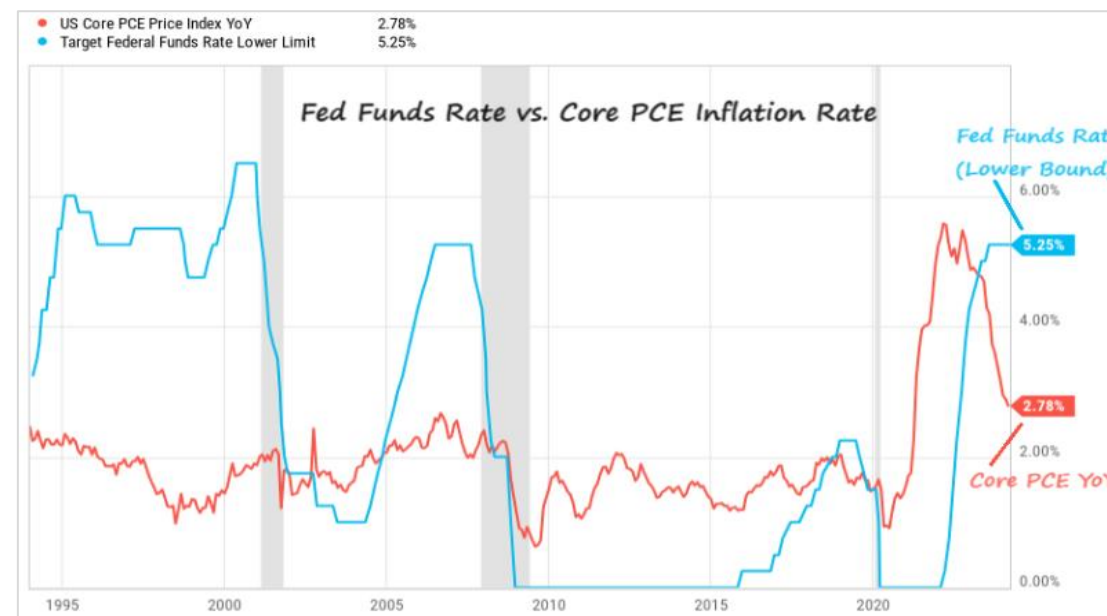
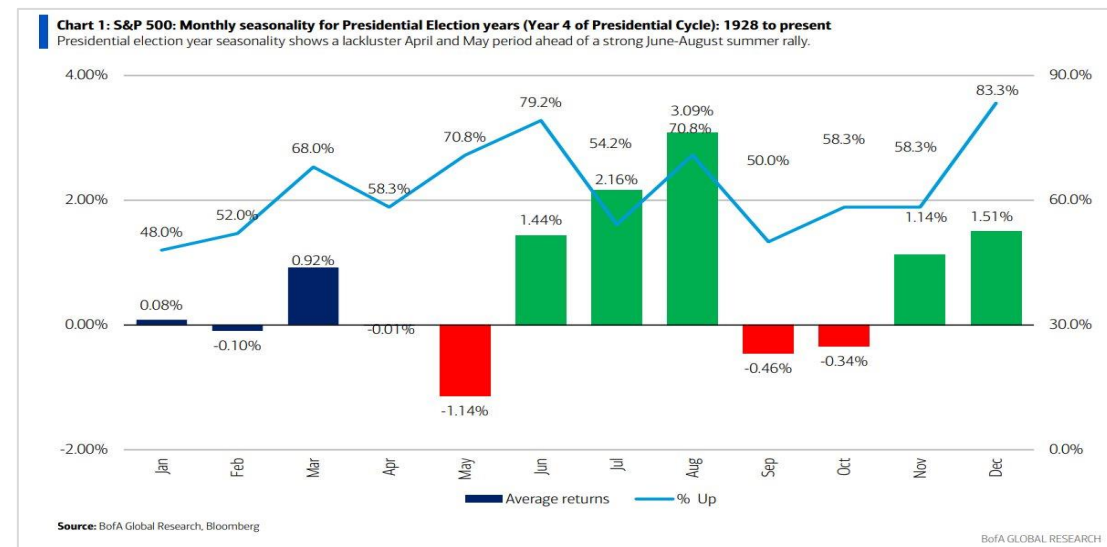
Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	776.51	-0.90%	0.68%	6.81%	20.15%
Dow Jones	38,904.04	-2.27%	0.47%	3.22%	16.18%
S&P 500	5,204.34	-0.95%	1.57%	9.11%	26.78%
Europe	506.54	-1.19%	0.65%	5.75%	10.37%
Japanese	39,010.00	-3.37%	-1.71%	16.57%	41.76%
Korea	2,714.21	-1.18%	1.26%	2.22%	8.99%
China	3,069.30	0.92%	0.76%	3.17%	-7.76%
HongKong	16,723.92	1.10%	2.27%	-1.90%	-17.74%
Taiwan	20,337.60	0.21%	2.79%	13.42%	28.42%
Indian	22,513.70	0.84%	0.09%	3.60%	27.92%
Singapore	3,218.26	-0.18%	2.26%	-0.68%	-2.49%
Malaysia	1,555.25	1.25%	1.00%	6.92%	8.98%
Indonesia	7,289.10	0.37%	-1.42%	0.22%	7.31%
Thailand	1,375.58	-0.17%	-0.78%	-2.84%	-12.78%
Philippine	6,745.46	-2.29%	-2.83%	4.58%	3.96%
Vietnam	1,255.11	-2.26%	0.62%	11.08%	17.33%
Brent Oil	90.86	3.86%	10.70%	17.94%	6.74%
Crude Oil WTI	86.73	4.28%	11.18%	21.05%	7.47%
Gold	2,349.10	4.18%	7.49%	13.38%	16.76%
S&P 500 VIX	16.03	23.21%	8.75%	28.76%	-12.88%
Dollar Index	104.07	-0.20%	1.34%	3.01%	2.29%
U.S. 10Y	4.40	4.51%	7.93%	13.81%	28.92%
U.S. 2Y	4.75	2.65%	6.10%	11.79%	18.98%

Nguồn: Investing, MBS Research

- Chứng khoán thế giới điều chỉnh tuần đầu tháng 4 sau khi chủ tịch Fed cho biết cuộc chiến chống lạm phát chưa xong, thậm chí một quan chức Fed đi ngược xu hướng, nói rằng có thể cần nâng lãi suất thêm để kiểm soát lạm phát.
- Phản ánh lãi suất cao được giữ trong thời gian lâu hơn, lợi suất kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 11.
- Không chỉ sự biến động trên thị trường chứng khoán (được đo bằng VIX) đã quay trở lại. MOVE, thước đo mức độ biến động của trái phiếu, cũng đã tăng gần 10% trong tuần này.
- Giá vàng gần đây liên tiếp tăng lên các mức cao kỷ lục nhưng không phải vì nỗi lo lạm phát. Lực mua mạnh mẽ của ngân hàng trung ương và dòng tiền trú ẩn an toàn trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị ngày càng tăng đã thúc đẩy nhu cầu vàng, giúp đẩy giá vàng vọt hơn 28% kể từ tháng 10/2023.
- Giá dầu đạt mức cao nhất kể từ tháng 10 năm ngoái. Động lực tăng chính của giá dầu trong tuần là mối lo về nguy cơ xảy ra xung đột quân sự trực tiếp giữa Israel và Iran - một thành viên của Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC).

Chứng khoán Mỹ khởi đầu kém thuận lợi cho quý 2

- Sau thành quả tăng rực rỡ của quý 1, chứng khoán Mỹ đang có sự khởi đầu kém thuận lợi cho quý 2. Cả ba chỉ số cùng giảm trong tuần vừa qua. Trong đó, Dow Jones giảm 2.27%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ đầu năm. S&P 500 giảm 0.95% và Nasdaq mất 0.8% điểm số.
- Các số liệu kinh tế Mỹ những ngày gần đây đều cho thấy nền kinh tế Mỹ đang mạnh và lạm phát giảm chậm. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) lõi - thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - tăng 2.8% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn 0.8 điểm phần trăm so với mục tiêu lạm phát 2% của Fed. Đây là nhân tố đẩy lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ lên cao hơn và giảm khả năng Fed khởi động giảm lãi suất vào tháng 6. Biến động của lợi suất và kỳ vọng lãi suất gây áp lực giảm lên giá cổ phiếu.
- Bộ Lao động Mỹ công bố báo cáo việc làm tháng 3 tốt hơn nhiều so với dự báo. Khu vực phi nông nghiệp của nền kinh tế Mỹ tạo được 303,000 công việc mới trong tháng 3, vượt xa con số 200,000 công việc mới mà các chuyên gia kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Tiền lương tăng 0.3% so với tháng trước và tăng 4.1% so với cùng kỳ năm trước, đều phù hợp với dự báo.
- Báo cáo hàng tháng của công ty dịch vụ tuyển dụng ADP công bố ngày thứ Tư cho thấy số lượng việc làm mới trong khu vực kinh tế tư nhân của Mỹ tăng mạnh hơn dự báo trong tháng 3. Đây là một dữ liệu nữa cho thấy sự vững vàng của nền kinh tế, từ đó làm suy giảm triển vọng về việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cắt giảm lãi suất.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Fed khẳng định không vội hạ lãi suất

- Trên thị trường lãi suất tương lai, các nhà giao dịch đang đặt cược khả năng 53% Fed bắt đầu giảm lãi suất vào tháng 6, từ mức khoảng 70% vào tuần trước - theo công cụ FedWatch Tool của sàn CME.
- Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell ngày 3/4 nói rằng ngân hàng trung ương này chưa làm xong nhiệm vụ chống lạm phát và cần có “sự tin tưởng lớn hơn” về sự suy yếu của áp lực giá cả mới có thể bắt đầu cắt giảm lãi suất. Tuyên bố thận trọng này của ông Powell làm suy giảm khả năng Fed sớm khởi động nới lỏng chính sách tiền tệ.
- Chủ tịch Fed khu vực Minneapolis, Neel Kashkari, cũng nhận định vào chiều ngày thứ Năm rằng ông tự hỏi liệu ngân hàng trung ương có nên hạ lãi suất hay không nếu lạm phát vẫn ở mức cao, góp phần vào một loạt phát biểu gần đây của các quan chức Fed nói một cách thận trọng về chính sách..
- Thống đốc Fed Michelle Bowman cho biết có thể phải nâng lãi suất thêm để kiểm soát lạm phát, thay vì cắt giảm như kỳ vọng của các đồng nghiệp của bà và thị trường. Bà Bowman cho biết kịch bản khả dĩ nhất vẫn là hạ lãi suất, nhưng nói thêm “chúng ta vẫn chưa tới thời điểm hạ lãi suất khi tôi thấy nhiều rủi ro có thể khiến lạm phát tăng trở lại”.

CME FEDWATCH TOOL - MEETING PROBABILITIES									
MEETING DATE	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450	450-475	475-500	500-525	525-550
01/05/2024				0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	4,8%	95,2%
12/06/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	2,4%	50,8%	46,8%
31/07/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	1,0%	22,4%	49,1%	27,4%
18/09/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,7%	15,1%	40,1%	34,8%	9,3%
07/11/2024	0,0%	0,0%	0,0%	0,2%	5,6%	23,7%	38,3%	26,0%	6,1%
18/12/2024	0,0%	0,0%	0,1%	3,8%	17,5%	33,2%	30,3%	13,0%	2,1%
29/01/2025	0,0%	0,1%	1,7%	9,5%	24,1%	32,0%	23,0%	8,4%	1,2%
19/03/2025	0,0%	0,9%	5,8%	17,2%	28,3%	27,2%	15,3%	4,6%	0,6%
30/04/2025	0,4%	2,7%	10,1%	21,3%	27,9%	22,8%	11,3%	3,1%	0,4%

CME FEDWATCH TOOL - TOTAL PROBABILITIES				
MEETING DATE	DAYS TO MEETING	EASE	NO CHANGE	HIKE
01/05/2024	24	4,76%	95,24%	0,00%
12/06/2024	66	53,24%	46,76%	0,00%
31/07/2024	115	72,57%	27,43%	0,00%
18/09/2024	164	90,67%	9,33%	0,00%
07/11/2024	214	93,88%	6,12%	0,00%
18/12/2024	255	97,89%	2,11%	0,00%
29/01/2025	297	98,78%	1,22%	0,00%
19/03/2025	346	99,42%	0,58%	0,00%
30/04/2025	388	99,64%	0,36%	0,00%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Sự đảo ngược chính sách của các ngân hàng trung ương đang bắt đầu

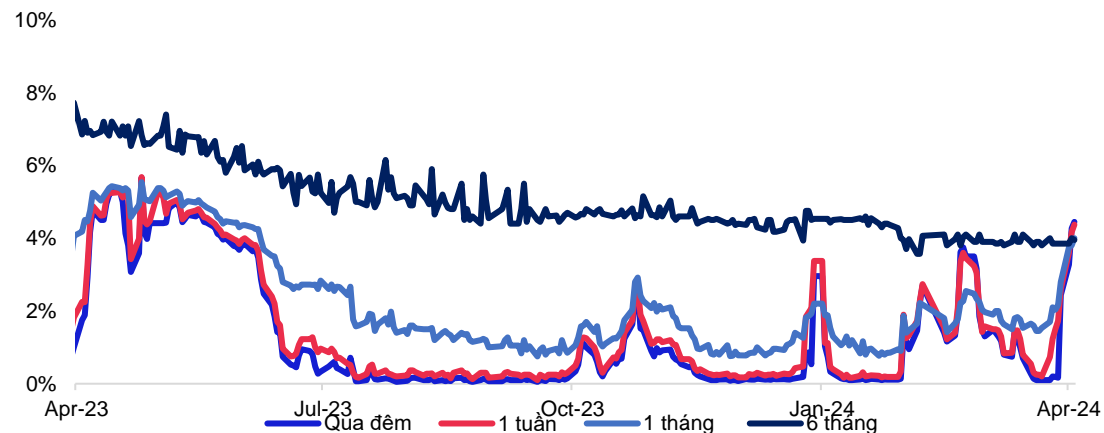
- Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ (SNB) đã trở thành ngân hàng trung ương lớn đầu tiên nói lỏng chính sách với động thái cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vì lạm phát đã nằm trong phạm vi mục tiêu 0 đến 2%.
- Cộng hòa Séc: giảm 50 bps xuống 5.75% (cắt lần 3).
- Brazil: 50 bps giảm xuống 10.75% (lần cắt thứ 6).
- Mexico: cắt giảm lãi suất lần đầu tiên sau 3 năm, 25 bps xuống 11.00%.
- Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) nhiều khả năng sẽ thực hiện giảm lãi suất vào tháng 6 khi lạm phát đang quay trở lại mục tiêu.
- Fed và Ngân hàng trung ương Anh (BoE) đều gợi ý rằng họ có thể là ngân hàng trung ương tiếp theo nhưng vẫn giữ quan điểm đủ mơ hồ để có thể thực hiện các động thái vào tháng 6 hoặc tháng 7, miễn là dữ liệu không làm đảo lộn kế hoạch.
- Trên thực tế, một số nhà kinh tế cho rằng thế giới đang trải qua những thay đổi sâu sắc đến mức xu hướng giảm lịch sử của lãi suất trung lập - không kích thích cũng không làm chậm tăng trưởng - có thể đảo ngược.
- Các nhà đầu tư kỳ vọng mỗi ngân hàng trung ương Fed, ECB và BoE sẽ chỉ cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản vào cuối năm nay thông qua ba lần cắt giảm 25 điểm cơ bản - những thay đổi nhỏ so với lần tăng lãi suất vào năm 2022.

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.05%	2.2%	-2.2%	Lower	Hike	Mar-24
Switzerland	Target Rate	1.50%	1.2%	0.3%	Lower	Cut	Mar-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	3.1%	-1.1%	Higher	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.50%	-0.8%	3.3%	Higher	Hike	Sep-23
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.5%	1.5%	Unchanged	Hike	May-23
China	Loan Prime Rate	3.45%	0.7%	2.8%	Higher	Cut	Aug-23
South Korea	Repo Rate	3.50%	3.1%	0.4%	Higher	Hike	Jan-23
Denmark	Deposit Rate	3.60%	0.8%	2.8%	Lower	Hike	Sep-23
Sweden	Repo Rate	4.00%	4.5%	-0.5%	Lower	Hike	Sep-23
Eurozone	Deposit Rate	4.00%	2.6%	1.4%	Lower	Hike	Sep-23
Australia	Cash Rate	4.35%	3.4%	0.9%	Lower	Hike	Nov-23
Norway	Deposit Rate	4.50%	4.5%	0.0%	Lower	Hike	Dec-23
Canada	Overnight	5.00%	2.8%	2.2%	Higher	Hike	Jul-23
UK	Bank Rate	5.25%	3.4%	1.9%	Lower	Hike	Aug-23
US	Fed Funds	5.38%	3.2%	2.2%	Higher	Hike	Jul-23
New Zealand	Cash Rate	5.50%	5.6%	-0.1%	Unchanged	Hike	May-23
Poland	Repo Rate	5.75%	2.8%	3.0%	Lower	Cut	Oct-23
Hong Kong	Base Rate	5.75%	2.1%	3.7%	Higher	Hike	Jul-23
Czech Republic	Repo Rate	5.75%	2.0%	3.8%	Lower	Cut	Mar-24
Indonesia	Repo Rate	6.00%	2.8%	3.3%	Higher	Hike	Oct-23
Saudi Arabia	Repo Rate	6.00%	1.8%	4.2%	Higher	Hike	Jul-23
Peru	Policy Rate	6.25%	3.3%	3.0%	Higher	Cut	Feb-24
Philippines	Key Policy Rate	6.50%	3.4%	3.1%	Higher	Hike	Oct-23
India	Repo Rate	6.50%	5.1%	1.4%	Lower	Hike	Feb-23
Chile	Base Rate	7.25%	4.5%	2.8%	Higher	Cut	Jan-24
South Africa	Repo Rate	8.25%	5.6%	2.7%	Higher	Hike	May-23
Brazil	Target Rate	10.75%	4.5%	6.3%	Lower	Cut	Mar-24
Mexico	Overnight Rate	11.00%	4.4%	6.6%	Lower	Cut	Mar-24
Colombia	Repo Rate	12.75%	7.7%	5.0%	Lower	Cut	Jan-24
Russia	Key Policy Rate	16.00%	7.7%	8.3%	Higher	Hike	Dec-23
Turkey	Repo Rate	50.00%	67.1%	-17.1%	Higher	Hike	Mar-24
Argentina	Overnight Repo	80.00%	276.2%	-196.2%	Higher	Cut	Mar-24

Lãi suất

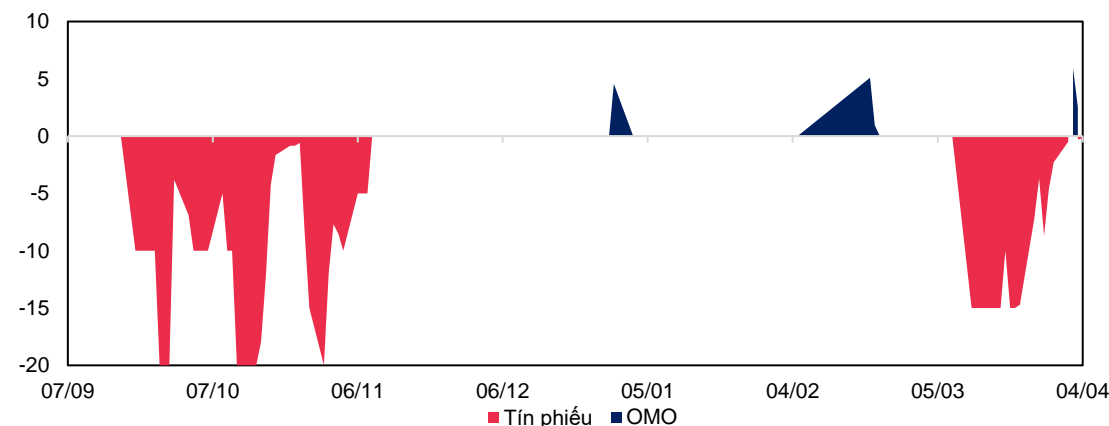
- Trong tuần vừa qua, NHNN đã quay trở lại đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở (OMO) với tổng 2 phiên bơm ròng lên tới 8.4 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%. Phiên đấu thầu nghiệp vụ OMO diễn ra trong bối cảnh NHNN hút ròng liên tục qua tín phiếu ở nhiều phiên với tổng lượng tính đến 4/4 là khoảng 172 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn là 28 ngày và lãi suất 1.3%-2.4%. Lượng tín phiếu đầu tiên sẽ bắt đầu đáo hạn vào ngày 8/5 và chúng tôi ước tính sẽ có khoảng 75 nghìn tỷ đồng tín phiếu sẽ đáo hạn trong tuần sau.
- Lãi suất liên ngân hàng bật tăng tại các kỳ hạn ngắn trong bối cảnh NHNN bơm tiền ngược lại vào hệ thống ngân hàng. Lãi suất qua đêm hiện đang giao dịch tại mức 4.4%, mức tăng cao nhất trong gần 1 năm trở lại đây. Các kỳ hạn dưới 1 tháng cũng đang giao dịch ở mức 4%-4.3% trong khi kỳ hạn dài 6 tháng lại không thay đổi và đi ngang ở mức lãi suất 3.9%

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

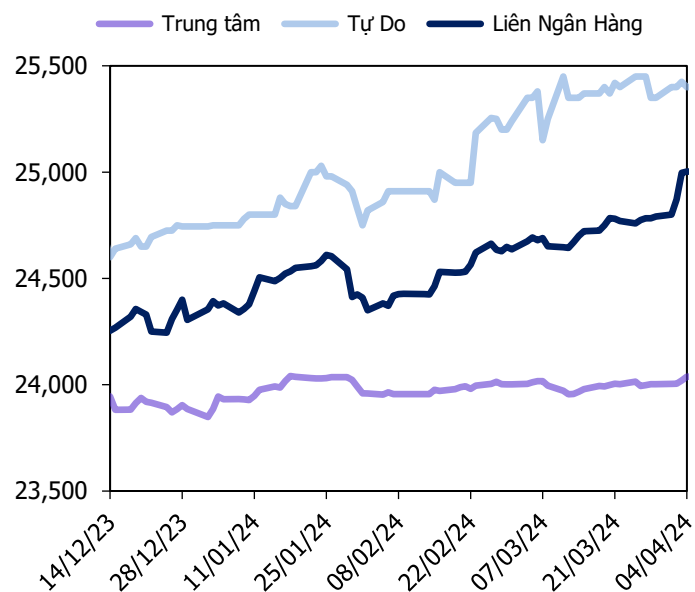


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

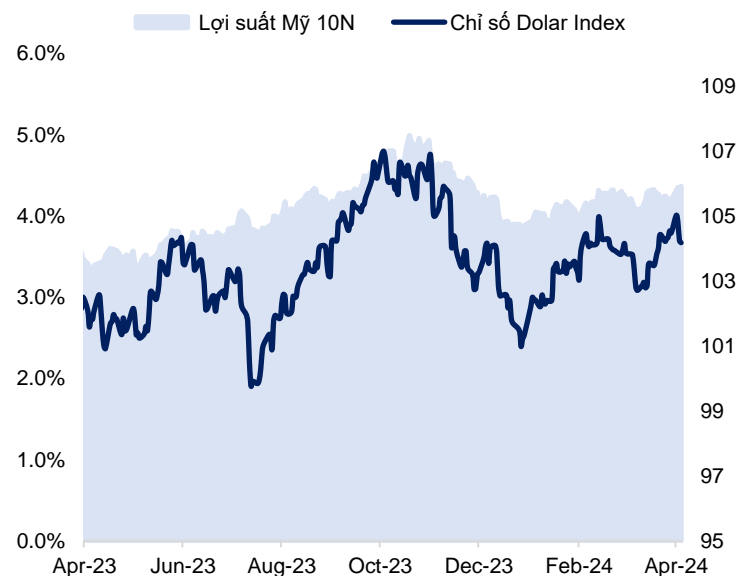
Đồng USD hiện đang giao dịch mức 104.2 sau khi dữ liệu cho thấy sản xuất đang tăng trưởng lần đầu tiên sau 1 năm rưỡi và vào tháng 3, số lượng đơn đặt hàng mới cho hàng hóa do Mỹ sản xuất đã phục hồi hơn dự kiến, trong khi thị trường lao động vẫn kiên cường. Các nhà đầu tư đã giảm bớt kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất của Fed như đã công bố nếu lạm phát tại Mỹ vẫn tăng và tăng trưởng kinh tế tiếp tục mạnh mẽ. Tỷ giá trong nước vẫn chưa thấy dấu hiệu hạ nhiệt và liên tục đạt mức đỉnh mới. Tỷ giá liên ngân hàng hiện đang giao dịch tại 25,003 VND/USD, tăng 2.9% kể từ đầu năm. Tỷ giá tại thị trường tự do vượt qua mức đỉnh của năm ngoái và đang giao dịch tại 25,400 VND/USD trong khi tỷ giá trung tâm duy trì ổn định quanh ngưỡng 24,038 VND/USD, tỷ giá tại hai thị trường lần lượt tăng 2.6% và 0.8% kể từ đầu năm.

Tỷ giá USD/VND



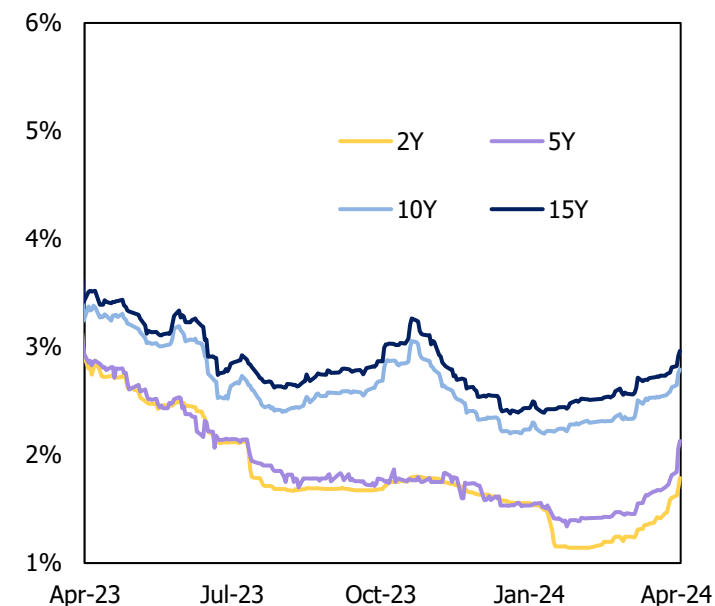
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



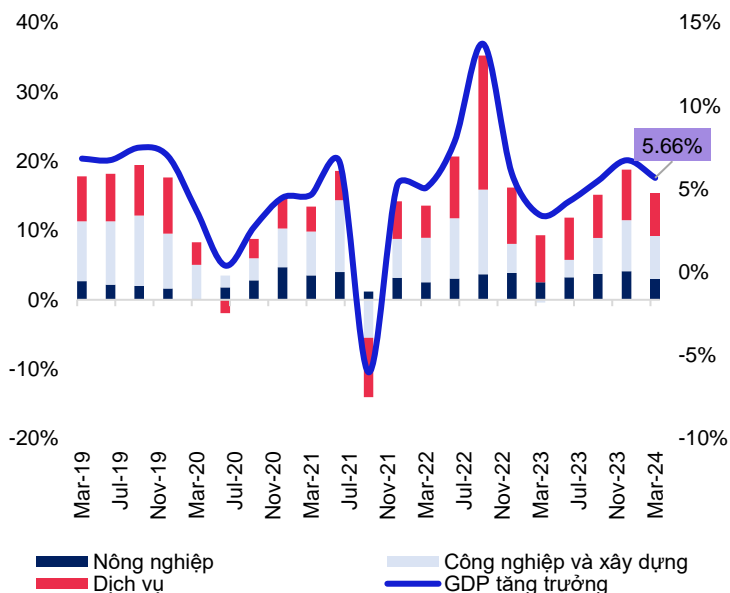
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Kinh tế vĩ mô trong nước

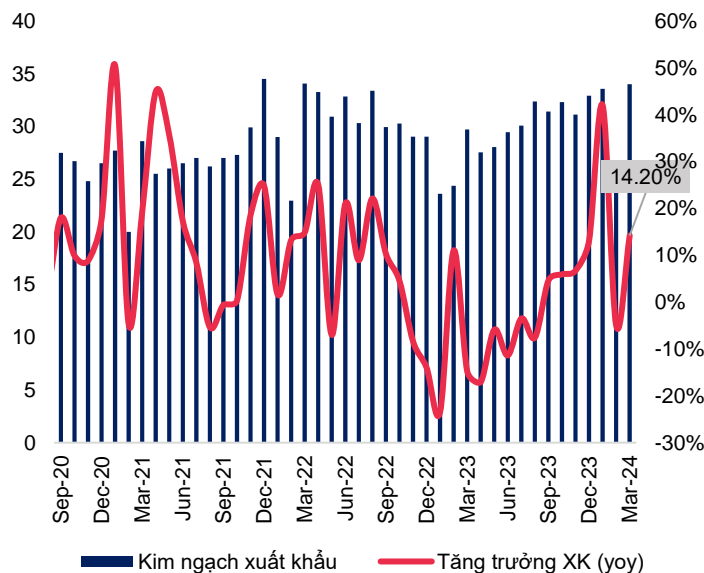
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5.6% yoy, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6.2%; khu vực dịch vụ tăng 6.1%.
- Trong T3/24, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 34 tỷ USD, tăng 14.2% svck. Xuất khẩu tăng mạnh với sự tăng trưởng vượt bậc của các mặt hàng nông nghiệp và nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo như điện thoại, máy tính, máy móc thiết bị cũng có sự bứt phá rõ rệt khi đạt kim ngạch từ 1 tỷ USD trở lên. Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu giảm đáng kể so với tháng trước, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T3/24 ước tăng 20% so với tháng trước và tăng 4.1% svck. .
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 tăng 9.2% svck. Tính chung quý 1 năm 2024, tổng mức bán lẻ tăng 8.2% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 5.1% svck. Tốc độ tăng trưởng của bán lẻ khá khiêm tốn sau dịp Tết Nguyên đán nhu cầu tiêu dùng của người dân quay trở lại trạng thái bình thường và không còn tập trung chủ yếu vào các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu.

Tăng trưởng GDP theo từng nhóm ngành



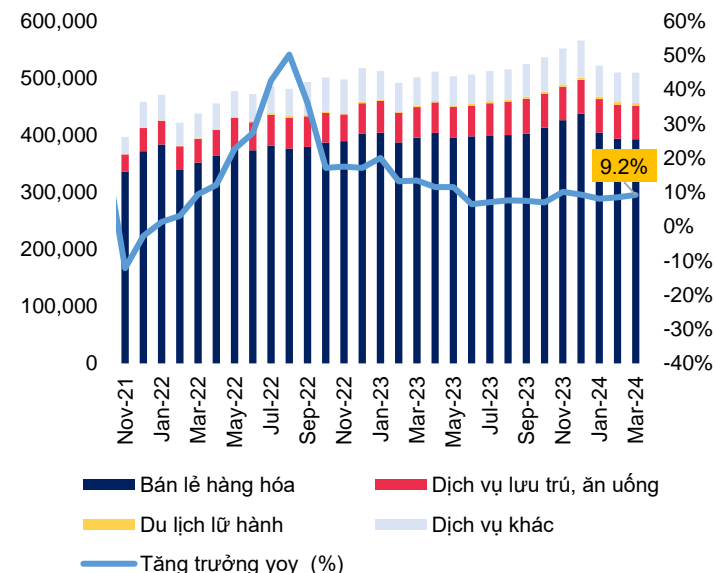
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

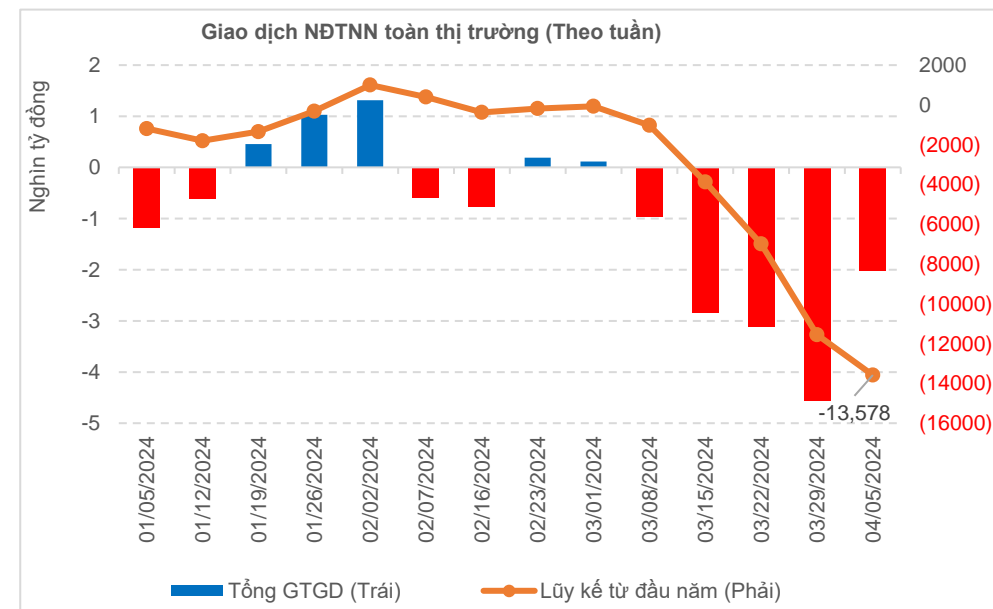
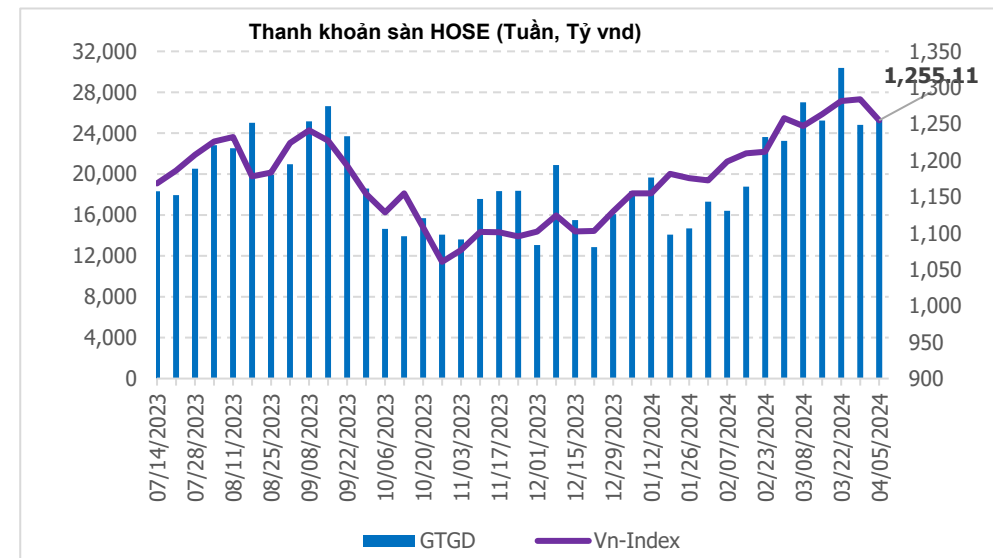
Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Nghìn tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Vn-Index vừa có tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2023

- Sau chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp, chỉ số Vn-Index vừa có tuần điều chỉnh giảm -28.98 điểm, tương đương mất -2.26%, còn 1,255.11 điểm. Đây cũng là tuần giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2023. Trong 6 phiên vừa qua, chỉ số này giảm tới 5 phiên, để mất 38 điểm kể từ đỉnh 1,293 điểm.
- Nhóm Vn30 với tỷ trọng cao từ nhóm cổ phiếu ngân hàng có mức giảm mạnh nhất trong tuần vừa qua, chốt tuần chỉ số này giảm -3.02%. Bên cạnh đó, nhóm Midcap và Smallcap cũng giảm lần lượt -2.77% và -2.63%.
- Mặc dù thị trường mới điều chỉnh -2.7% kể từ đỉnh (theo giá đóng cửa) nhưng một số nhóm cổ phiếu có mức giảm mạnh hơn như: Ngân hàng (-3.8%), chứng khoán (-6.1%), thủy sản (-5.5%), cao su tự nhiên (-7.9%), BĐS KCN (-5.7%), ...
- Thanh khoản toàn thị trường tăng 5% so với tuần trước, đạt 28,830 tỷ đồng, trong đó thanh khoản qua khớp lệnh tăng 9.7% lên mức 26,600 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản quý 1 đạt 23,723 tỷ đồng, tăng gấp 2.1 lần so với cùng kỳ. Tính riêng tháng 3, thanh khoản đạt 29,136 tỷ đồng, cao gấp 2.8 lần so với cùng kỳ và cũng là tháng cao thứ 2 từ trước đến nay, chỉ sau tháng 3/2022 (33,450 tỷ đồng).
- Khối ngoại bán ròng -2,028 tỷ đồng ở tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 5 liên tiếp. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại bán ròng 13,578 tỷ đồng.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Giao dịch của các quỹ ETF kể từ đầu năm

- Dòng vốn qua kênh ETF cũng bị rút ròng 326 triệu USD (tương đương -8,052 tỷ đồng).
- Phần lớn các quỹ ETF đều bị rút ròng như: Diamond (-174.5 triệu USD), KIM KINDEX Vietnam VN30 (-27.5 triệu USD), Fubon FTSE (-42.18 triệu USD), v.v...
- Các cổ phiếu có tỷ trọng cao trong ETF Diamond: FPT, MWG, PNJ, GMD, TCB, ACB , v.v ...
- Các cổ phiếu có tỷ trọng cao trong ETF Fubon: HPG, VIC, VHM, VCB, MSN, VNM, v.v ...

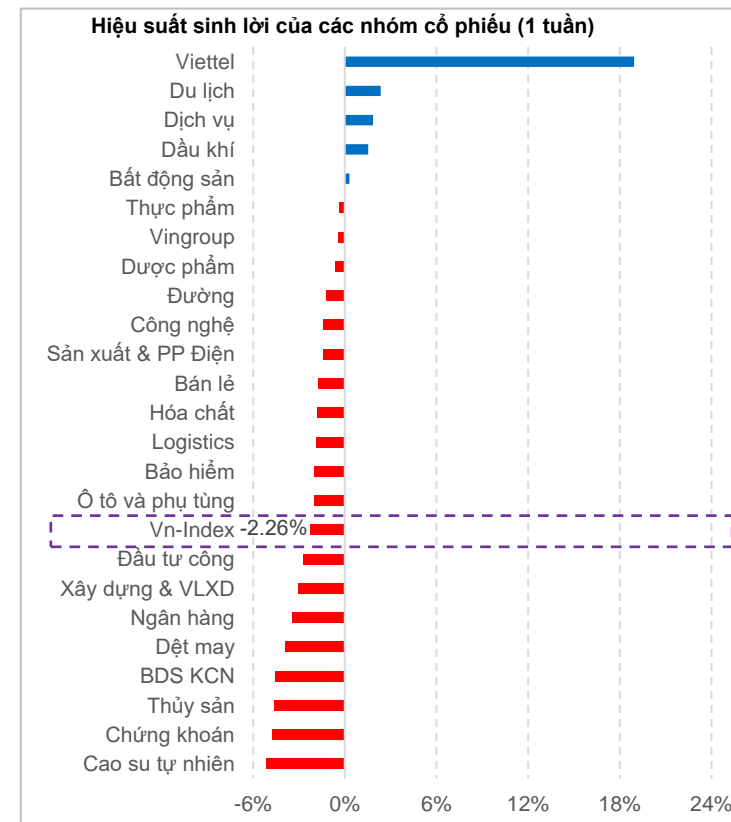
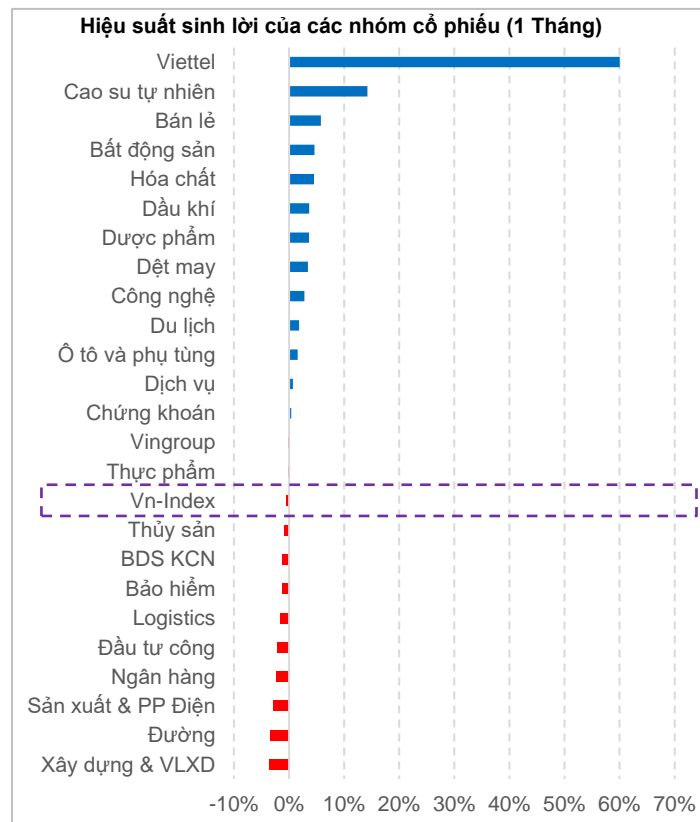
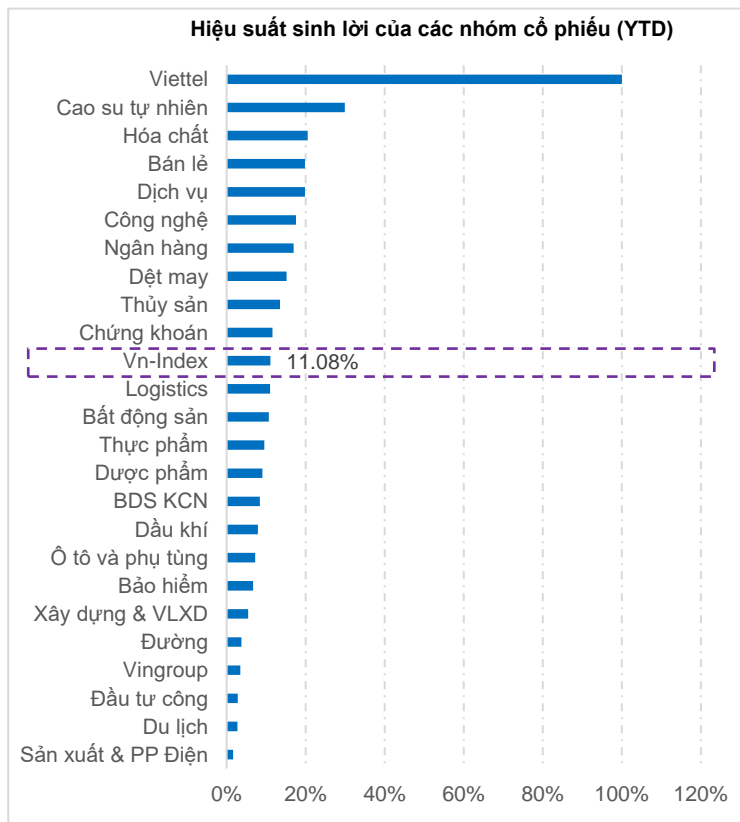
Country/Region	Netflow	Netflow	Flow%	Assets	#Funds	Inflow	In/Out	Outflow
1) Asia Pacific		+75,161	+5.8	1,285,049	2,919	196,638		-121,477
2) China		+46,597	+13.5	346,344	1,092	108,519		-61,922
3) Japan		+13,911	+2.1	647,867	370	35,902		-21,991
4) India		+4,798	+18.6	25,745	223	5,548		-750
5) Asia Pac ex Japan*		+4,731	+15.6	30,416	76	5,924		-1,193
6) South Korea		+4,437	+12.0	36,973	570	21,062		-16,624
7) Australia		+975	+1.9	50,147	147	2,427		-1,452
8) Taiwan		+558	+1.1	49,675	70	5,310		-4,753
9) ASEAN Countries*		+70	+32.4	214	6	155		-85
10) Indonesia		+39	+3.8	1,031	41	177		-138
11) Asia Pacific*		+26	+0.3	10,165	61	666		-640
12) Philippines		+21	+10.5	202	4	25		-4
13) Singapore		+9	+0.2	3,747	16	193		-184
14) Thailand		+3	+0.4	794	11	21		-18
15) Pakistan		0	+2.4	15	3	1		0
16) Oceania Region*		0	--	--	1	0		--
17) South East Asia Re...		0	0.0	13	2	0		0
18) Malaysia		-1	-0.1	740	11	9		-10
19) New Zealand		-68	-4.6	1,489	11	18		-86
20) Greater China*		-297	-6.6	4,494	68	398		-695
21) Hong Kong		-323	-0.4	72,436	112	10,235		-10,558
22) Vietnam		-326	-12.8	2,542	24	48		-374

Name	1D Flow (M USD)	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	YTD Flow T (M USD)	1Y Flow (M USD)	3Y Flow (M USD)
Average	-10	-1.36	-7.60	-12.03	-20.57	+27.68
Median	.00	.00	.00	-.01	.00	.00
1) DCVHVN Diamond ETF	+25	-.39	-114.72	-174.75	-333.17	-40.63
2) Fubon FTSE Vietnam ETF	-6.05	-30.91	-52.04	-42.18	-40.19	+746.75
3) FHVN30 ETF Fund	-1.79	-5.04	-17.70	-32.49	-94.99	-116.82
4) KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	+5.97	+3.00	+3.00	-27.51	+24.08	+15.21
5) Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-.74	-.74	-15.97	-25.27	-11.65	-15.58
6) SSIAM VNFIN LEAD ETF	-.34	-2.74	-9.92	-22.17	-108.90	-38.67
7) Premia MSCI Vietnam ETF	.00	.00	.00	-1.78	-2.98	-4.93
8) Premia MSCI Vietnam ETF	.00	.00	.00	-1.78	-2.98	-4.93
9) SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	-1.01	-.46	-2.32
10) VanEck Vietnam ETF	.00	.00	.00	-.64	-23.70	+160.52
11) MAFN VN30 ETF	.00	.00	+0.06	-.40	-1.20	-1.13
12) CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	.00	.00	+4.40	-1.13	-2.57	-2.57
13) KIM Growth VNFINSELECT ETF	.00	.00	.00	-.05	+8.70	+8.70
14) KIM Growth VN30 ETF	.00	.00	-.33	-.01	+11.00	+23.12
15) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	.00	.00	.00	.00	-.28	-2.38
16) KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	.00	.00	.00	.00	-1.70	-9.14
17) Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
18) Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
19) Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam00	.00	.00	.00	.00	.00
20) Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
21) FPT CAPITAL VN30 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
22) IPAAM VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
23) SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	.00	+1.67	+1.96
24) VinaCapital VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
25) MAFN VNDIAMOND ETF	.00	.00	+1.10	+1.51	+11.26	+11.26
26) DCVHVN Mid Cap ETF	.00	.00	+5.82	+1.87	+5.82	+5.82
27) Global X MSCI Vietnam ETF	.00	.00	+1.93	+1.93	+6.80	+13.13

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Áp lực giảm điểm diễn ra trên diện rộng

- Ngược dòng thị trường nổi bật là nhóm cổ phiếu Dầu khí được hỗ trợ bởi giá dầu tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 10, các cổ phiếu tiêu biểu như: PVS (+7.65%), BSR (+3.11%), PVD (+1.7%), PVC (+11.49%), ...
- Nhóm cổ phiếu Viettel vẫn duy trì hiệu suất tốt nhất thị trường kể từ đầu năm cho tới 1 tháng gần đây và tuần vừa qua cũng có mức tăng mạnh nhất thị trường nhờ cổ phiếu VGI (+23.98%), VTK (+14.59%), ... Đáng chú ý sau 2 tuần tăng liên tiếp, VGI đã tăng hơn 47%.
- Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính như Ngân hàng, chứng khoán, ... giảm trên diện rộng. Đối với nhóm ngân hàng: MBB (-8,07%), VIB (-7,72%), CTG (-6,61%), STB (-6,33%), TCB (-4,94%), ... trong khi một số cổ phiếu chứng khoán cũng chịu áp lực giảm mạnh như: SSI (-4.42%), HCM (-4.41%), VCI (-7.62%), ...



Nhận định thị trường

- Theo thống kê, sau chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp, thị trường thường điều chỉnh ở tháng tiếp theo. Ở 3 lần trước đó, sau nhịp tăng một mạch 5 tháng liền, thị trường điều chỉnh ở tháng tiếp theo trong quá trình tìm đỉnh cao mới.
- Kể từ năm 2010 đến 2023, chỉ số Vn-Index có 7 lần tăng và 7 lần giảm trong tháng 4, trung bình mức tăng +6.99%, trung bình mức giảm -3.83%, cho cả thời gian trên, thị trường tăng 1.58%. Do vậy, chúng tôi dự phóng thị trường tháng 4 này sẽ dao động trong vùng: 1,235 – 1,310 điểm.
- Thị trường đang điều chỉnh giảm trước vùng kháng cự kỹ thuật và áp lực từ tỷ giá. Về mặt kỹ thuật, thị trường đã có đỉnh về thanh khoản và điểm số, phía trước là mùa đại hội cổ đông và báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 sắp được công bố sẽ hạn chế rủi ro cho nhịp điều chỉnh sâu.



Nhận định thị trường

- Một số rủi ro đối với thị trường cần lưu ý:

1. Chỉ số Vn-Index gặp thử thách ở vùng 1,290 – 1,300 điểm, nơi có mặt của trendline vừa là hỗ trợ vừa là kháng cự.
2. Vùng hỗ trợ ngắn hạn cho thị trường ở khu vực 1,235 điểm.
3. Áp lực về tỷ giá và lãi suất.
4. Kích bản lạc quan cho thị trường là hình thành vùng dao động tích lũy với biên hỗ trợ dưới ở khu vực 1,220 – 1,230 điểm. Kích bản thận trọng diễn ra khi vùng hỗ trợ này bị xuyên thủng, thị trường có thể kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật đáng tin cậy hơn ở vùng 1,180 – 1,200 điểm.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		-2.26	-0.5	11.08
1	VCB	530.40	0.00	-1.15	18.18
2	BID	286.16	-3.65	-6.17	15.67
3	VHM	187.02	0.23	-2.28	-0.58
4	GAS	185.81	0.87	3.98	7.15
5	ACV	183.08	0.12	-1.28	28.64
6	CTG	178.28	-6.61	-7.78	22.51
7	VIC	177.82	0.31	5.64	7.17
8	HPG	171.25	-2.64	-4.38	5.37
9	TCB	159.22	-4.94	8.00	42.14
10	VPB	154.31	-1.52	-0.77	1.30
11	FPT	144.40	-2.40	2.06	18.31
12	VNM	141.91	0.44	-4.47	1.74

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	MBB	123.45	-8.07	-3.51	25.20
14	ACB	105.45	-4.74	-2.34	13.60
15	MSN	102.88	-3.10	1.55	7.31
16	MCH	96.40	2.18	8.88	56.08
17	VGI	95.58	23.98	54.80	112.40
18	GVR	87.49	-4.98	5.70	48.58
19	MWG	74.57	-0.20	7.59	19.16
20	SAB	71.95	-1.06	-3.77	-8.80
21	HDB	67.54	-3.11	0.21	15.02
22	BCM	64.79	-3.54	-4.28	-0.48
23	BSR	61.39	3.11	0.00	6.99
24	VIB	57.59	-7.72	3.18	19.16
25	VRE	56.13	-4.45	-8.52	6.01

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		-2.26	-0.5	11.08
26	STB	55.80	-6.33	-6.77	5.90
27	VJC	55.19	-1.07	-1.64	-5.65
28	SSI	55.17	-4.42	-0.94	12.20
29	SSB	54.78	-0.68	-3.94	-8.16
30	VEA	49.03	-2.12	1.65	7.27
31	PLX	47.20	-0.40	3.34	7.68
32	DGC	45.46	-3.00	6.78	26.80
33	LPB	43.74	-2.56	-0.58	8.57
34	TPB	40.07	-4.71	-7.14	4.60
35	NVL	35.69	6.09	4.57	7.33
36	HVN	35.43	18.52	17.65	30.61
37	SHB	34.19	-2.19	-5.91	3.24

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	VEF	33.80	-4.29	34.00	83.90
39	PNJ	32.42	-2.02	1.97	13.35
40	EIB	30.99	-3.26	-2.73	-3.00
41	BVH	30.95	-2.46	-3.47	5.57
42	OCB	29.59	-3.68	-4.95	8.27
43	KDH	29.17	-3.44	1.53	16.24
44	MSB	28.40	-2.41	-8.68	9.23
45	VND	26.85	-3.92	-5.97	-0.90
46	POW	26.35	-1.32	-5.06	0.00
47	REE	25.59	-1.88	0.64	10.21
48	KBC	25.33	-5.58	-1.05	3.94
49	VGC	25.11	-4.11	-1.23	2.00
50	DNH	24.50	0.90	-6.98	11.55

DỰ BÁO LỢI NHUẬN SAU THUẾ Q1/24 VÀ 2024 CÁC DN MBS RESEARCH THEO DÕI

STT	Mã CP	Ngành		Dự báo tăng trưởng LN		Nhận xét
				2024	Q1/24	
1	PVD	Dầu khí	579	↑ 67%	↑ 223%	Lợi nhuận Q1/2024 nói riêng và cả năm 2024 nói chung sẽ tăng trưởng tích cực nhờ giá thuê giàn neo ở mức cao, trong khi mức nền Q1/23 tương đối thấp. Các hợp đồng đều đã được ký với mức giá thuê cố định trong thời gian tương đối dài, có thể giúp tăng hiệu suất hoạt động giàn tự năng.
2	PVT	Dầu khí	980	↔ 16%	↑ 25%	Chúng tôi dự báo LN ròng của PVT năm 2024 tăng 16% svck do kỳ vọng giá cước vận tải dầu khí tích cực kéo theo biên lợi nhuận gộp mảng vận tải tích cực; trong đó LN ròng Q1 tăng 25% svck nhờ (1) mức nền rất thấp của Q1/2023 khi mảng vận tải hàng rời không thuận lợi; (2) đội tàu tại thời điểm cuối năm 2023, đầu năm 2024 ước tính đã tăng 24% so với thời điểm đầu năm 2023, đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận ròng của doanh nghiệp.
3	PLX	Dầu khí	2,812	↔ 15%	↔ 20%	Chúng tôi dự báo LN ròng Q1/24 của PLX có thể tăng trưởng tích cực (+20% svck) nhờ giá dầu không có biến động mạnh dẫn đến không cần trích lập hàng tồn kho lớn, đồng thời kỳ vọng doanh nghiệp giành được thị phần từ các nhà cung cấp nhỏ đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh do gặp vướng mắc pháp lý.
4	PVS	Dầu khí	866	↔ 11%	↔ 17%	Chúng tôi dự báo LN ròng của PVS giai đoạn 2024-2025 tăng 31.8%-19.3% svck, mặc dù kết quả quý 1 có thể chưa thực sự có bước chuyển lớn (lợi nhuận ròng Q1/24 có thể +17% svck) do dự án Lô B chưa ký được FID. Dự kiến FID cho Lô B sẽ được phê duyệt trong Q2/2024 và tác động tích cực đến tiến độ triển khai các gói thầu liên quan của PVS.
5	BSR	Dầu khí	8,511	↓ -36%	↔ -12%	Lợi nhuận trong Q1/24 của BSR có thể giảm nhẹ so với cùng kỳ do tác động trái chiều của: (1) giá dầu và crack spread duy trì ở mức cao hơn so với đầu năm 2023 (tích cực) và (2) sản lượng bị ảnh hưởng nhẹ do nhà máy bắt đầu bảo dưỡng lần 5 từ ngày 15/3/2024. Chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng năm 2024 đạt mức 5488 tỷ VNĐ (-36% svck) trên cơ sở giá dầu Brent trung bình cả năm đạt 85 USD/thùng; trong đó chúng tôi dự báo LN ròng Q1/2024 giảm 12% svck.
6	GAS	Dầu khí	11,606	↔ -1%	↔ -13%	Giá dầu neo ở mức cao trong Q1/24 là yếu tố hỗ trợ tốt cho giá bán khí đầu ra của GAS, tuy nhiên cân nhắc đến rủi ro thiếu khí khá nghiêm trọng trong khi chưa có cơ chế bán LNG, chúng tôi dự phóng thận trọng lợi nhuận ròng của GAS trong năm 2024 chỉ tăng nhẹ 0.5% svck, trong đó lợi nhuận ròng Q1 giảm 13% từ mức nền cao của đầu năm 2023

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Tác động của tỷ giá lên cổ phiếu – Tích cực

STT	Cổ phiếu	Nhân định	STT	Cổ phiếu	Nhân định
1	DRC	Xuất khẩu thu USD	8	GMD	Đơn giá dịch vụ của GMD neo theo USD, cơ cấu nợ vay có 1 tỷ trọng nhỏ USD tuy nhiên ảnh hưởng không đáng kể (lỗ tỷ giá 2022-23 chiếm 2%/1% LN ròng)
2	GIL	Xuất khẩu thu USD	9	VHC	DN xuất khẩu cá tra sang Mỹ và EU chiếm 65% cơ cấu DT của VHC nên tỷ giá USD tăng sẽ tác động tích cực đến LN
3	PTB	Thị trường mỹ đóng góp khoảng 60% doanh thu cho PTB, phần lớn nguyên liệu đầu vào đều được khai thác nội địa. đối với sản phẩm gỗ, phú tài tự chủ 40% nguồn nguyên liệu gỗ, 30% thu gom trong nước và 30% nhập khẩu từ Uruguay, Brazil, đối với mảng đá nhân tạo, phú tài sở hữu các mỏ đá granite tại Bình Định, Phú Yên, Yên Bái.	10	HAH	Đơn giá dịch vụ của HAH neo theo USD, cơ cấu nợ vay có 1 tỷ trọng nhỏ USD tuy nhiên ảnh hưởng không đáng kể (lỗ tỷ giá 2022-23 chiếm khoảng 2% LN ròng)
4	SCS	Doanh thu USD từ các dịch vụ hàng hóa quốc tế chiếm trên 80%	11	CSM	Xuất khẩu sang Mỹ
5	ACV	Doanh thu USD từ các dịch vụ hàng không quốc tế chiếm trên 60%, cơ cấu nợ vay không gồm USD	12	VGC	Xuất khẩu kính, gạch ceramic ra thị trường EU
6	FPT	Thu dịch vụ ngoại tệ lần lượt bằng USD và JPY là 413tr USD và 52 tỷ JPY, nợ vay USD ~60tr USD đã được hedging 100%, nợ vay JPY ~11 tỷ Yên, được hedging ~50%	13	VCS	70% DT của VCS đến từ thị trường Mỹ vì thế trong bối cảnh giá nguyên liệu bột thạch anh và như Polyester giảm, tỷ giá tăng giúp VCS được LN hưởng lợi.
7	VRE	Doanh thu có đơn giá các hợp đồng tính theo USD, gần như không có nợ vay ngoại tệ			

Các chủ đề đầu tư năm 2024

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



STT	Chủ đề	Đánh giá các khía cạnh tác động	Nhóm ngành có tác động tích cực	DNNY đáng chú ý
1	Áp lực lãi suất và tỷ giá hạ nhiệt	Các doanh nghiệp có tỷ lệ vay nợ nước ngoài cũng như có tỷ lệ đòn bẩy cao sẽ giảm bớt áp lực chi phí tài chính.	Bất động sản, năng lượng	PC1, HPG, GEX
		Thị trường M&A thế giới sôi động trở lại. Lãi suất thấp hơn sẽ kích thích nhu cầu các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội M&A tại các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam	Các doanh nghiệp đa ngành, sở hữu các dự án năng lượng, bất động sản, khu công nghiệp	GEX, BCG, PC1, KDH, DXG, BCM, IDC
		Môi trường lãi suất thấp sẽ kích thích nhu cầu tín dụng. Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng đạt 13% - 14% trong năm 2024.	Ngân hàng, Bất động sản	ACB, TCB, STB, VHM, NLG, KDH
2	Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong giai đoạn 2024-25	Năm 2024 được xem là năm bản lề để hoàn thành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 đồng thời cũng bắt tay vào xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Hiện hầu hết các dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư do đó năm nay là thời điểm đẩy nhanh tiến độ.. Chúng tôi kỳ vọng khi các nút thắt đầu tư những năm trước đã được tháo gỡ (vd: công tác chỉ định thầu đẩy nhanh quá trình giao thầu, việc khai thác các mỏ đất đá mới đã được cấp phép, giá nguyên vật liệu xây dựng đã hạ nhiệt so với giai đoạn 2021-22,...), giải ngân đầu tư công thực tế năm 2024 sẽ đạt khoảng 85 – 90% kế hoạch, tương ứng với tăng trưởng 38% - 45% so với năm 2023.	Nhóm ngành xây dựng hạ tầng, đá, thép	CTR, VCG, C4G, KSB, HPG
3	Trung Quốc phát đi thông điệp ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2024	Theo đuổi mục tiêu tăng trưởng, TQ có thể nới lỏng điều kiện hoạt động của các ngành công nghiệp nặng. Điều này có thể dẫn đến giá cả các nguyên vật liệu cơ bản phục vụ cho sản xuất CN tạo đáy và đi lên.	Thép, hóa chất, nickel	HPG, NKG, DGC, PC1
		Tiêu dùng của Trung Quốc sẽ là động lực quan trọng trong năm 2024. Xu hướng tiêu dùng của người dân TQ trong quý 3 (chỉ tiêu tiêu dùng chiếm tỷ trọng trong thu nhập khả dụng) là 69.8%, không những tốt hơn cùng kỳ trong thời kỳ dịch bệnh, mà còn tốt hơn trước đại dịch. Cầu tiêu dùng Trung Quốc phục hồi sẽ hỗ trợ cho một số mặt hàng Việt Nam xuất khẩu như điện thoại, nông sản,...	Nhóm doanh nghiệp có tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc lớn như nông sản, thủy sản	ANV, HAG
4	Thị trường BĐS sẽ tích cực	Trong năm 2024 Luật Đất đai sửa đổi 2024 chủ yếu tác động tích cực đến nguồn cung.	Ở giai đoạn đầu của chu kỳ phục hồi, phân khúc nhà hợp túi tiền, xây dựng, vật liệu xây dựng sẽ được hưởng lợi trước tiên	KDH, NLG, HPG,

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



5	Cách mạng công nghệ mới	<p>Xu hướng dòng vốn đầu tư công nghệ cao vào Việt Nam đặc biệt sau khi Việt Nam đã nâng tầm đối tác chiến lược toàn diện với các cường quốc thế giới về công nghệ như Mỹ, Nhật.</p> <p>Công nghệ mới (5G, AI,...) còn thúc đẩy chu kỳ sản phẩm mới, kích thích nhu cầu tiêu dùng</p>	<p>Khu công nghiệp, công nghệ, hóa chất</p> <p>Bán lẻ điện tử tiêu dùng</p>	<p>FPT, KBC, IDC, SZC, DGC, PC1</p> <p>FRT, MWG, DGW</p>
6	Nhu cầu năng lượng tăng cao	<p>Tăng giá điện bán lẻ sẽ giúp EVN cải thiện tình hình tài chính, cũng như đẩy mạnh việc chi trả cho các doanh nghiệp điện</p> <p>Cầu huy động nhiệt điện vẫn cao trong bối cảnh pha El Nino vẫn tiếp diễn trong năm 2024</p> <p>Các dự án năng lượng quan trọng được thúc đẩy triển khai nhanh hơn như: Lô B, đường dây 500 KV mạch 3 kéo dài, nhằm đảm bảo cung ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong nước.</p>	<p>Chủ yếu nhóm nhiệt điện sẽ được hưởng lợi do cải thiện năng lực tài chính</p> <p>Nhiệt điện</p> <p>Các doanh nghiệp xây lắp, cơ khí</p>	<p>POW, QTP, HND</p> <p>POW, QTP, HND</p> <p>PC1, PVS, TV2, GAS</p>
7	Bất ổn địa chính trị gây xáo trộn dòng thương mại toàn cầu	<p>Mặc dù xung đột Nga - Ukraine đang có chiều hướng hạ nhiệt tuy nhiên xung đột tại khu vực Trung Đông lại đang có chiều hướng gia tăng, mới đây nhất là những căng thẳng trên Biển Đỏ. Điều này khiến các hãng tàu phải thay đổi cung đường vận chuyển và đẩy giá cước vận tải lên cao.</p>	<p>Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải dầu khí</p>	<p>HAH, VOS, PVT</p>
8	Hệ thống KRX đưa vào vận hành từ năm sau có là bước đệm cho phát triển thị trường CK	<p>hệ thống KRX sẽ được đi vào vận hành, tạo nền tảng cơ sở để nhiều sản phẩm mới được triển khai, kết hợp với môi trường lãi suất thấp dòng tiền có thể dịch chuyển sang TTCK</p>	<p>Chứng khoán</p>	<p>SSI, VND, VCI, MBS, BSI, FTS</p>
9	Kỳ vọng niêm yết của một số doanh nghiệp lớn	<p>Một số doanh nghiệp lớn đang có kế hoạch niêm yết trên HSX sẽ tạo được sự thu hút quan tâm của các nhà đầu tư tổ chức và khối ngoại</p>		<p>ACV, BSR, OIL, VTP, ABB</p>

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Lê Minh Anh

Ngô Quốc Hưng

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Đỗ Phương Lan

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly